

2.2. To-infinitives (Động từ nguyên mẫu có “to”)

Động từ nguyên mẫu có “to” được dùng trong một số trường hợp sau:

a. Sau một số động từ.

want, decide, plan, agree, need, like, love, hate, hope

Eg: - We decided to walk to school.
 - I need to buy some cheese.

Note:Press **Esc** to exit full screen**like / love / hate + V-ing****like / love / hate + to-infinitive**

- I love cooking Vietnamese food.

- I love to cook Vietnamese food.

like**would like + to-infinitive****feel like + V-ing**

- Would you like to go to my house for lunch?

- I feel like going for a walk.

b. Sau một số động từ có添 ngữ:

ask

tell

advise

invite

help

allow

+ O + (not) + to-infinitive

Eg: - She asked me not to turn on the TV.

- The doctor advised him to wear a face mask.

Note:

advise / allow + O + to-infinitive

34

advise / allow + V-ing

- The doctor advised him to wear a face mask.

- The doctor advised wearing a face mask.

help + O + bare inf

help + O + to-inf

- She **helped** me **do** the housework.

- She **helped** me **to do** the housework

c. Dùng sau một số từ nghi vấn.

what, who, which, when, where, how + to-infinitive

Eg: - *Can you tell me how to get to the station?*

- *He wondered where to park the car.*

d. Dùng sau một số cấu trúc.

S (It) + be + adj + to-infinitive

Eg: - *It's easy to learn English.*

- *I'm very happy to see you again.*  **LIVEWORKSHEETS**

S (It) + be + too + adj + (for + O) + to-inf 

Eg: - It's too cold for us to go swimming.

It + be + adj + of + O + to-infinitive

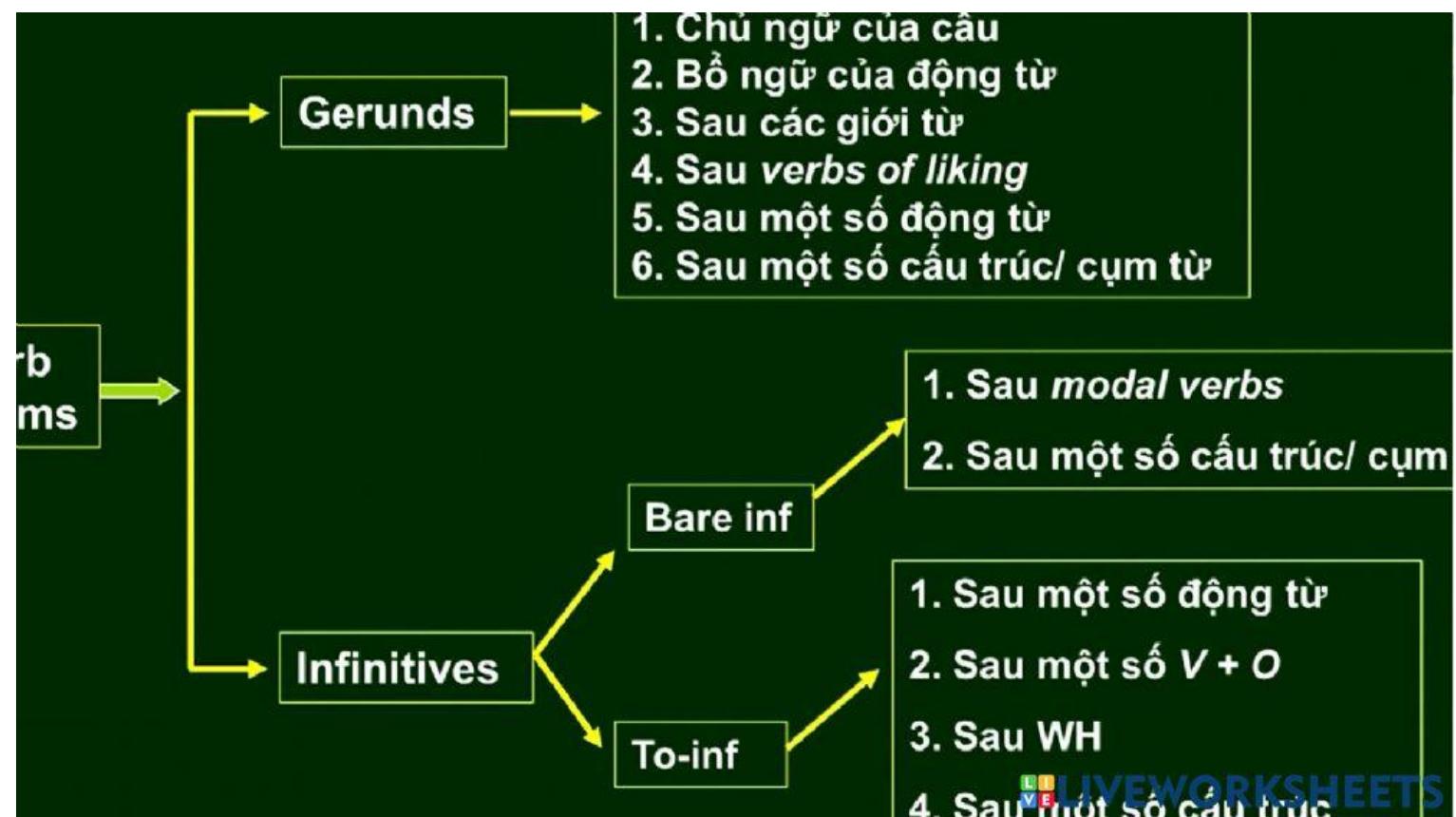
Eg: - It's very kind of you to help me.

S + be + adj + enough + (for + O) + to-infinitive

Eg: - He is tall enough to play volleyball 

S (It) + take + O + time + to-infinitive

Eg: - *It often takes me ten minutes to walk home from my school.*



3. Một số dạng bài tập về Gerunds và Infinitives

- Chia động từ
- Chọn đáp án đúng
- Viết lại câu
-

3.1. Dạng bài tập chia động từ.

- Xác định động từ phải chia theo **Thì (tense)** hay **dạng (form)**.